

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: KINH TẾ; Chuyên ngành: KINH TẾ HỌC

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: TÔ HIẾN THÀ

2. Ngày tháng năm sinh: 08/4/1979; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã Đông Yên, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P3204, CC 143 Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ: P3204, CC 143 Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0981 992 885;

E-mail: tohientha@gmail.com

7. Quá trình công tác:

- Từ tháng 12/2006 đến tháng 8/2008: Giảng dạy, Giáo viên, Bộ môn Kinh tế chính trị, Khoa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh/Học viện KTQS
- Từ tháng 9/2009 đến tháng 12/2013: NCS, học viên, Hệ sau đại học, Học viện Chính trị/Bộ quốc phòng
- Từ tháng 01/2014 đến tháng 7/2016: Giảng dạy, giáo viên, Bộ môn Kinh tế chính trị, Khoa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh/Học viện KTQS/Bộ Quốc phòng
- Từ tháng 8/2016 đến tháng 9/2017: Chính trị viên phó, Tiểu đoàn 1/Học viện KTQS/Bộ Quốc phòng

- Từ tháng 10/2017 đến tháng 5/2018: Giảng dạy, giáo viên, Bộ môn Kinh tế chính trị, Khoa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh/Học viện KTQS/Bộ Quốc phòng
- Từ tháng 6/2018 đến tháng 11/2018: Giảng dạy, Phó CNBM, Bộ môn Kinh tế chính trị, Khoa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh/Học viện KTQS/Bộ Quốc phòng
- Từ tháng, năm 12/2018 đến nay: Giảng dạy, Chủ nhiệm bộ môn, Bộ môn Kinh tế chính trị, Khoa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh/Học viện KTQS/Bộ Quốc phòng
- Chức vụ hiện nay: Chủ nhiệm Bộ môn
- Chức vụ cao nhất đã qua: Chủ nhiệm Bộ môn
- Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Kinh tế Chính trị, Khoa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh/Học viện KTQS/Bộ Quốc phòng
- Địa chỉ cơ quan: 236 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại cơ quan: 069515433
- Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: Trường Đại học Công nghệ và Quản lý Hữu Nghị

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm: Không

- Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu: **Không**
- Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): **Không**

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 24 tháng 6 năm 2004
Số văn bằng: 134
Ngành: Kinh tế Chính trị Chuyên ngành: Kinh tế Chính trị
Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.
- Được cấp bằng TS ngày 27 tháng 8 năm 2014
Số văn bằng: 003617
Ngành: Kinh tế Chuyên ngành: Kinh tế chính trị
Nơi cấp bằng TS: Học viện Chính trị, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng năm ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở:

HỌC VIỆN KỸ THUẬT QUÂN SỰ

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành:

KINH TẾ

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Thứ nhất, phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam
- Thứ hai, phát triển nguồn nhân lực cho CNH, HĐH ở Việt Nam
- Thứ ba, vai trò Nhà nước trong phát triển kinh tế - xã hội

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn: 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn: 08 Học viên cao học bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ
- Đã hoàn thành 5 đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 01 Cấp Quốc gia; 02 cấp cơ sở; 02 Cấp TP Hà Nội.

- Đã công bố 65 bài báo và báo cáo khoa học, trong đó 06 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Số lượng sách đã xuất bản: 02, trong đó: 02 thuộc nhà xuất bản có uy tín trong nước;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

15. Khen thưởng:

- Bằng khen của Tổng cục Chính trị/Bộ Quốc phòng.
- Giáo viên dạy giỏi năm học 2017- 2018 và năm học 2020-2021

16. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong hơn 15 năm làm công tác giảng dạy tại Học viện Kỹ thuật quân sự, tôi luôn nỗ lực, cố gắng hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Tôi có lập trường chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, trách nhiệm cao, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, tích cực giữ vững sự thống nhất, đoàn kết trong đơn vị; Luôn tự giác, thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật Nhà nước, kỷ luật Quân đội cũng như các quy định của Học viện.

Trong quá trình giảng dạy, tôi luôn coi trọng việc cập nhật, trau dồi kiến thức, không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn và thực hiện hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy cho các đối tượng học viên, sinh viên; thực hiện chấm thi nghiêm túc, khách quan, đánh giá đúng năng lực người học; Chủ động đề xuất và biên soạn sách, giáo trình, tài liệu cho các đối tượng; hướng dẫn và tham gia hướng dẫn luận văn, luận án cho học viên sau đại học, nghiên cứu sinh đúng tiến độ, đạt chất lượng tốt. Bên cạnh đó, tôi luôn tích cực thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và hướng tới giải quyết những vấn đề của thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả trong quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức và cải thiện đời sống của cộng đồng.

Đối chiếu với các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo, tôi nhận thấy rằng, bản thân tôi có đủ điều kiện để đề nghị xét công nhận chức danh PGS năm 2021.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số: 15 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2015-2016	0	0	0	0	270	0	270/270/270
2	2016-2017	0	1	1	0	270	0	270/270/270
3	2017-2018	0	0	3	0	270	0	270/270/270
03 năm học cuối								
4	2018-2019	0	0	3	0	250	30	280/280/216
5	2019-2020	0	0	1	0	170	50	220/220/216
6	2020-2021	0	0	0	0	200	20	220/220/216

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ: Tiếng Anh

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH: Học viện Khoa học quân sự;

Ngoại ngữ: Tiếng Anh;

Số bằng: 033738;

Năm cấp: 2013

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh giao tiếp (văn bằng, chứng chỉ): IELTS B2

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1.	Trần Văn Hùng		HVCH	Chính		12/2016 7/2017	Học viện Chính trị	08/3/2018
2.	Lê Văn Tuyên	NCS	HVCH		Phụ	12/2016- 12/2020	Học viện KHXH	22/6/2021
3.	Nguyễn Lê Thùy Linh		HVCH	Chính		11/2017 5/2018	Học viện Chính trị	08/3/2019
4.	Hoàng Kiều Oanh		HVCH	Chính		11/2017 5/2018	Học viện Chính trị	08/3/2019
5.	Nguyễn Lan Hương		HVCH	Chính		10/2017 3/2018	Học viện KTQS	20/6/2018
6.	Phạm Văn Thăng		HVCH	Chính		3/2018 9/2018	Trường ĐH Công nghệ và Quản lý Hữu Nghị	01/11/2018
7.	Nguyễn Thị Ngọc Lan		HVCH	Chính		3/2018 9/2018	Trường ĐH Công nghệ và Quản lý Hữu Nghị	22/01/2019
8.	Bùi Văn Chung		HVCH	Chính		11/2018 5/2019	Trường ĐH Công nghệ và Quản lý Hữu Nghị	02/10/2019
9.	Lê Thanh Xuân		HVCH	Chính		6/2019- 12/2019	Trường ĐH Công nghệ và Quản lý Hữu Nghị	25/2/2020

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận Tiến sĩ						
II	Sau khi được công nhận Tiến sĩ						
1	Phát triển công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ Việt Nam theo hướng bền vững	CK	Lao động 2021	01	Tô Hiến Thà	11-167	Số 631/QĐ-UTM ngày 23/6/2021 của Trường ĐH Công nghệ và Quản lý Hữu Nghị

2	Vận dụng lý luận kinh tế chính trị Mác-Lênin và quản lý kinh tế vào phát triển kinh tế xã hội ở nước ta	HD	QĐND 2021	02	Tô Hiến Thà	08-47 76-229	Số 334/GXN ngày 26/7/2021 của Học viện Kỹ thuật quân sự
---	---	----	--------------	----	-------------	-----------------	---

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: 01 (NXB Lao động) và số thứ tự 01.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận Tiến sĩ				
1					
II	Sau khi được công nhận Tiến sĩ				
1	ĐT. Vấn đề đảm bảo quốc phòng và nan ninh cho phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ	TG	01/2016/HD-KHCN-TNB.ĐT/14-19/X10. Quốc gia	4/2017-9/2019	08/01/2020 Đạt
2	ĐT. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý học viên ở Học viện Kỹ thuật Quân sự hiện nay	CN	Học viện KTQS Cấp cơ sở	2017	04/6/2018 Khá
3	ĐT. Các giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư từ ngân sách trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2025	TK	01X-10/02-2017-2 Cấp thành phố Hà Nội	10/2017 6/2019	30/6/2020 Khá
4	ĐT. Quản lý các mối quan hệ xã hội của đội ngũ giáo viên trẻ ở Học viện kỹ thuật quân sự hiện nay	CN	Học viện KTQS Cấp cơ sở	2018	02/6/2020 Xuất sắc
5	ĐT. Nghiên cứu hệ thống dịch vụ xã hội dành cho người dân khu vực nông thôn của Thành phố Hà Nội	CN	01X-10/07-2018-2 Cấp thành phố Hà Nội	10/2018 6/2020	30/6/2020 Khá

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố :

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1.	Khủng hoảng nợ nước ngoài ở các nước Mỹ Latinh và bài học cho tăng trưởng kinh tế bền vững ở Việt Nam	1	X	Châu Mỹ ngày nay /ISSN 0868-3654			Số 03 (132), trang 9-13	Tháng 3/2009
2.	Sự vận động của dòng vốn FDI quốc tế và một số đề xuất đẩy mạnh thu hút FDI ở Việt Nam	1	X	Châu Mỹ ngày nay /ISSN 0868-3654			Số 12 (141), trang 23-27	Tháng 12 /2009
3.	Nhân tố văn hoá trong phát triển kinh tế bền vững	2		Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Nghiên cứu liên ngành trong khoa học xã hội và nhân văn: Kinh nghiệm và triển vọng - Đại học Quốc gia Hà Nội			Trang 49-56	Tháng 12 /2009
4.	Lý thuyết tăng trưởng của Keynes và vài suy nghĩ về tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam hiện nay	2		Kỷ Yếu Hội thảo quốc gia/ISBN 978 604 62 01540			Trang 72-83	Tháng 10 /2010
5.	Lao động nước ngoài ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp	2		Lao động và Xã hội /ISSN 0866-7643			Số 402, trang 48-50	Tháng 3/2011
6.	Environmentally sustainable development in the Northern focal economic region of Vietnam	2		Proceedings of International Conference: Sustainable manufacturing and environmental management/ ISBN 978-604-67-0017-3			Trang 322-332	Tháng 10/2012
7.	Hoàn thiện quản lý nhà nước đối với lao động nước ngoài ở Việt Nam	2		Quản lý Kinh tế /ISSN 1859-039X			Số 52, trang 3-6	Tháng 4/2013

8.	Thực trạng phát triển công nghiệp bền vững và vấn đề xã hội ở vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ Việt Nam	1	X	Châu Mỹ ngày nay /ISSN 0868-3654			Số 5 (182), trang 14-18	Tháng 5/2013
9.	Kinh nghiệm phát triển công nghiệp theo hướng bền vững của một số nước và hàm ý chính sách cho Việt Nam	1	X	Châu Phi và Trung Đông/ ISSN 1859-0519			Số 06 (94), trang 24-33	Tháng 6/2013
10.	Giải pháp phát triển công nghiệp theo hướng bền vững ở vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ	1	X	Quản lý Kinh tế/ISSN 1859 - 039X			Số 54, trang 52-58	Tháng 7/2013
11.	Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ Việt Nam: thực trạng và những vấn đề đặt ra cho phát triển bền vững	2		Nghiên cứu kinh tế/ISSN 0866 - 7489			Số 07 (422), trang 3-11	Tháng 7/2013
12.	Phát triển kinh tế vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ Việt Nam theo hướng bền vững	1	X	Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ 4: Việt Nam trên đường hội nhập và phát triển bền vững/ISBN 9786 049 02248 7			Tập 2, trang 598-610	Tháng 11 /2013
13.	Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ Việt Nam	2		Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ 4: Việt Nam trên đường hội nhập và phát triển bền vững/ISBN 9786 049 02248 7			Tập 2, trang 624-634	Tháng 11 /2013
14.	Phát triển công nghiệp theo hướng bền vững: khung khổ lý luận và thực tiễn Việt Nam	2		Nghiên cứu kinh tế /ISSN 0866 – 7489			Số 1 (428), trang 31-38	Tháng 01 /2014
15.	Key Economic Region in Northern Vietnam: Current situation and emerging issues for sustainable development	2		Vietnam Economic Review/ ISSN 0868 2984			Số 1 (233), trang 25-35	Tháng 01 /2014
16.	Tạo lập môi trường cạnh tranh lành mạnh - Giải pháp trong chống độc quyền doanh nghiệp ở nước ta hiện nay	2		Châu Mỹ ngày nay/ISSN 0868-3654			Số 01 (190), trang 29-36	Tháng 01 /2014
17.	Sustainable Industrial Development Theoretical Framework and Current Overview in VietNam	2		VietNam Economic Review /ISSN 0868-2984			No. 4 (236), trang 28-35	Tháng 4/2014

II Sau khi được công nhận TS								
18.	Chính sách tiền tệ của Mỹ và EU năm 2014	1	X	Châu Mỹ ngày nay /ISSN 0868-3654			Số 11 (200), trang 3-9	Tháng 11 /2014
19.	Chính sách tiền tệ tín dụng của các nước Mỹ Latinh sau khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu	1	X	Kinh tế châu Á Thái Bình Dương/ISSN 0868-3808			Số 12 (214), trang 50- 53	Tháng 12 /2014
20.	Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ của các nước Mỹ Latinh sau khủng hoảng	2		Châu Mỹ ngày nay /ISSN 2354-0745			Số 10 (211), trang 11- 16	Tháng 10/ 2015
21.	Phát triển khoa học công nghệ phục vụ nông nghiệp của Israel và một số nước: Kinh nghiệm và hàm ý cho Việt Nam	2		Châu Phi và Trung Đông/ISSN 1859- 0519			Số 04 (116), trang 22- 33	Tháng 4/2015
22.	Giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục lối sống văn hóa cho học viên trong các nhà trường Quân đội hiện nay	2		Kinh tế châu Á Thái Bình Dương/ISSN 0868-3808			Số 465, trang 29- 30	Tháng 3/2016
23.	Mục tiêu và vai trò xây dựng, phát triển văn hóa, con người trong văn kiện Đại hội XII của Đảng cộng sản Việt Nam	2		Châu Mỹ ngày nay /ISSN 2354-0745			Số 04 (217), trang 3-7	Tháng 4/2016
24.	Cách mạng dầu đá phiến và triển vọng năng lượng của Hoa Kỳ	2		Châu Mỹ ngày nay /ISSN 2354-0745			Số 10(223), trang 11- 16	Tháng 10/ 2016
25.	Mô hình chuỗi giá trị trong quản trị du lịch	2		Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc tế "Phát triển du lịch bền vững: Vai trò của Nhà nước, doanh nghiệp và cơ sở đào tạo - Đại học Kinh tế Quốc dân /ISBN 978-604- 946-173-6			Trang 455-466	Tháng 10 /2016

26.	Energy core policy of the United States during the OBAMA administration	1	X	Proceeding of International Conference: Sustainable Financing for innovation, entrepreneurship and renewable energy development /ISBN 978-604- 67-0953-4		Trang 471-485	Tháng 8/2017
27.	The United States energy policy to promote sustainable production and consumption in the early decades of the 21 st century	3	X	Proceeding of International Academic Conference on Sustainable Production and Consumption /ISBN 978-604-946-314-3		Trang 123-136	Tháng 10 /2017
28.	Chính sách hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ của các nước Mỹ latin sau khủng hoảng và hàm ý chính sách cho Việt Nam	2		Công thương/ISSN 0866-7756		Số 11, trang 226-231	Tháng 10 /2017
29.	The necessity of moving towards a circular economy in Vietnam	3		Proceedings of BAASANA International Conference in VietNam on business sciences Academy of North America/ ISSN 2471-6847		Volume 8, trang 459-472	Tháng 7/2018
30.	Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý học viên trong các nhà trường quân đội hiện nay	2	X	Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương/ ISSN 0868-3808		Số chuyên đề, trang 34-35	Tháng 3/2018
31.	Shifting Towards the Circular economy: Some Policies for Vietnam	4		Proceeding 9th International Conference on Socio-economic and Environmental Issues in Development /ISBN 9786046535294		Trang 39-47	Tháng 5/2018

32.	Các biện pháp thực hiện mục tiêu chính sách năng lượng của Hoa Kỳ dưới thời tổng thống Obama	1	X	Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương /ISSN 0868-3808			Số 521, trang 44-46	Tháng 7/2018
33.	Kinh nghiệm cải cách doanh nghiệp nhà nước của Trung Quốc và một số gợi ý cho Việt Nam	2	X	Kinh tế và dự báo/ISSN 0866-7120			Số 22, trang 39-42	Tháng 8/2018
34.	Phát triển công nghiệp ở vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ: Thực trạng và giải pháp	2		Công thương/ISSN 0866-7756			Số 5, trang 67-72	Tháng 4/2019
35.	Yêu cầu và các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý tài chính tại các cơ quan hành chính hiện nay	2		Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương ISSN 0868-3808			Số 543, trang 56-58	Tháng 6/2019
36.	Những nhân tố tác động đến hiệu quả đầu tư từ ngân sách nhà nước	3		Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương /ISSN 0868-3808			Số 543, trang 62-64	Tháng 6/2019
37.	Các lĩnh vực cơ bản đảm bảo quốc phòng cho phát triển bền vững vùng địa bàn chiến lược Tây Nam Bộ	2	X	Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương /ISSN 0868-3808			Số 547, trang 10-12	Tháng 8/2019
38.	Xây dựng sức mạnh tổng hợp về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và đối ngoại: giải pháp đảm bảo quốc phòng và an ninh cho phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ thời kỳ mới	2		Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương /ISSN 0868-3808			Số 547, trang 42-45	Tháng 8/2019
39.	Đổi mới nội dung, vận dụng sáng tạo các hình thức quản lý: giải pháp quan trọng để quản lý các quan hệ xã hội của quân nhân hiện nay	2	X	Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương /ISSN 0868-3808			Số 554, trang 39-40	Tháng 12/2019
40.	Nâng cao năng lực giảng dạy của đội ngũ giáo viên trẻ trong các trường quân đội trước tác động của cuộc CMCN lần thứ 4	2		Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương /ISSN 0868-3808			Số 554, trang 43-44	Tháng 12/2019

41.	Tác động của phát triển công nghiệp đến các vấn đề xã hội ở vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ Việt Nam	3		Công thương/ISSN 0866-7756			Số 2, trang 136-140	Tháng 2/2020
42.	Cách thức và mô hình can thiệp của Nhà nước đối với hoạt động cung ứng dịch vụ xã hội cho người dân	2		Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương/ISSN 0868-3808			Số chuyên đề song ngữ, trang 22-24	Tháng 5/2020
43.	Các nhân tố tác động đến các hoạt động cung ứng dịch vụ xã hội cho người dân trên địa bàn nông thôn	3		Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương/ISSN 0868-3808			Số chuyên đề song ngữ, trang 25-26	Tháng 5/2020
44.	Chức năng và vai trò của dịch vụ xã hội đối với người dân khu vực nông thôn ở nước ta hiện nay	2		Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương /ISSN 0868-3808			Số cuối tháng 6, trang 73-74	Tháng 6/2020
45.	Phát triển nhân lực ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	2	X	Kinh tế và Dự báo/ISSN 0866-7120			Số 26, trang 85-87	Năm 2020
46.	Assistance of justice of social benefits in the maket - oriented social economy in Vietnam today.	2	X	Proceeding 12th International Conference on Socio-economic and Environmental Issues in Development/ ISBN 978-604-65-50310			Trang 502-510	Tháng 7/2020
47.	Orientations for building the potential of science and technology of the Vietnamese people's Army in the Fourth industrial revolution period	2	X	Proceeding 12th International Conference on Socio-economic and Environmental Issues in Development/ ISBN 978-604-65-50310			Trang 1136-1143	Tháng 7/2020
48.	Measuring and decomposing total factor of productivity of Vietnamese seaports	3	X	Acta Logistica/ISSN 1339-5629	Scopus (Q3- Theo Scimagojr)		Volume: 7, Issue 2, trang 65-71	Tháng 7/2020

49.	Factors Affecting Customer Satisfaction When Buying on Facebook in Vietnam	4	X	The Journal of Asian Finance, Economics and Business/ISSN 2288-4645	ISI (ESCI); Scopus (Q3-2020 – Theo Scimagojr)		Vol.7 No.10/ trang 267-273	Tháng 9/2020
50.	Impacts of Foreign Direct Investment on Human Capital in ASEAN	5		Journal of Distribution Science/ISSN 2093-7717	Scopus (Q3– Theo Scimagojr)		Vol.18 N.9 /trang 13-18	Tháng 10/2020
51.	An Analysis of Vietnamese Bank Productivity Change in the Time of Restructuring	2	X	The Journal of Asian Finance, Economics and Business/ ISSN 2288-4645	ISI (ESCI); Scopus (Q3-2020– Theo Scimagojr)		Vol. 7 No. 11, trang 779–788	Tháng 11/2020
52.	Một số giải pháp chính sách đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp đầu tư vào phát triển nông nghiệp công nghệ cao tại tỉnh Thái Bình	2		Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương /ISSN 0868-3808			Số 79, trang 39-41	Tháng 12/2020
53.	The role of supply chain dynamic capabilities and sustainable supply chain management practices on sustainable development of export enterprises	4		Acta Tecnológica/ ISSN 2453-675X			Volume: 7 2021 Issue:1, trang 9-16	Tháng 3/2021
54.	Kinh nghiệm thu hút doanh nghiệp đầu tư vào phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của một số địa phương và bài học cho tỉnh Thái Bình	2		Công thương/ISSN 0866-7756			Số 29+30, trang 68-72	Tháng 12/2020
55.	Managerial Overconfidence and Dividend policy in Vietnamese enterprises	4	X	Cogent Economics & Finance /ISSN: 2332-2039.	ISI; Scopus (Q2– Theo Scimagojr)		Volume: 9, trang 01-12	Tháng 2/2021
56.	Khu vực Mỹ Latinh: Một thập kỷ đầy biến động	1		Châu Mỹ ngày nay /ISSN 0868-3654			Số 3 (276), trang 52-57	Tháng 3/2021
57.	Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển công nghiệp theo hướng bền vững	1	X	Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương /ISSN 0868-3808			Số 586, trang 106-108	Tháng 4/2021
58.	Các biện pháp phát triển công nghiệp theo hướng bền vững của Nhật Bản và Hàn Quốc	2	X	Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương /ISSN 0868-3808			Số 586, trang 112-113	Tháng 4/2021

59.	Distribution of supply chain capabilities and firm's sustainable development	4	X	Journal of Distribution Science/ISSN 2093-7717	Scopus (Q3 Theo Scimagojr)		Vol.19 N.5 /trang 5-12	Tháng 5/2021
60.	Xuất khẩu bền vững nông sản Việt Nam trong bối cảnh tham gia Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới Việt Nam - EU	1	X	Công thương/ISSN 0866-7756			Số 12, trang 143-149	Tháng 5/2021
61.	Cơ hội và thách thức với Việt Nam trong thực hiện các quy định về lao động ở một số FTA thế hệ mới	1		Kinh tế và dự báo/ISSN 0866-7120			Số 17 (771), trang 49-52	Tháng 6/2021
62.	Developing circular economy - Theoretical perception and current status in Vietnam	1		Proceeding 13th International Conference on Socio-economic and Environmental Issues in Development/ISBN 978-604-79-2811-8			Trang 1973-1984	Tháng 6/2021
63.	Challenges for The Chinese Economy After the Covid-19 Pandemic	1		Proceeding 13th International Conference on Socio-economic and Environmental Issues in Development/ ISBN 978-604-79-2811-8			Trang 2017-2026	Tháng 6/2021
64.	Vai trò thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	1		Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương /ISSN 0868-3808			Số 590, trang 34-36	Tháng 6/2021
65.	Các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn cấp tỉnh	1		Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương /ISSN 0868-3808			Số 592, trang 37-39	Tháng 15/7/2021

- Trong đó: số lượng 05 bài và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 48, 49, 51, 55 (Corresponding author), 59.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
...							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: Không

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



TS Tô Hiến Thà